

Được cung cấp bởi



Pacific Cross Việt Nam kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và hỗ trợ nhà bảo hiểm và nhà tái bảo hiểm trong các vấn đề liên quan, nhằm phát triển và quản lý sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm du lịch cho người dân sinh sống tại Việt Nam. Chúng tôi là thành viên của Tập đoàn Pacific Cross gồm các công ty hoạt động tại Hồng Kông, Philippines, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam.

Được quản lý bởi



PACIFIC CROSS VIỆT NAM

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6, Tòa nhà VNPT,
Số 1487 Nguyễn Văn Linh,
Phường Tân Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 1800577770

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco,
Số 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội
Tel: (+84 24) 7308 6699

Email: inquiry@pacificcross.com.vn | **Website:** pacificcross.com.vn



Tài liệu này không phải là hợp đồng. Để biết thêm thông tin chính xác và các chi tiết về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các loại trừ của hợp đồng bảo hiểm, vui lòng tham khảo bản hợp đồng chính thức.

Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2025

CARE CROSS

Dẫn lối an tâm Chạm cuộc sống xứng tầm

Giao điểm an tâm để mọi rủi ro đều có điểm tựa



BẢO HIỂM SỨC KHỎE



CARE CROSS

Phù hợp với
 ■ Người trưởng thành đã ổn định tài chính
 ■ Cặp đôi hoặc gia đình nhỏ đang tìm kiếm giải pháp bảo vệ toàn diện

Care Cross là nơi giao thoa giữa tài chính và sức khỏe. Một điểm tựa vững vàng cho hành trình sống cân bằng và an tâm của bạn.

HẠN MỨC QUYỀN LỢI

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Quyền lợi chính			
Quyền lợi Nội trú	1 tỷ đồng/năm	2 tỷ đồng/năm	5 tỷ đồng/năm
Quyền lợi lựa chọn			
Quyền lợi Ngoại trú	100 triệu đồng/năm	200 triệu đồng/năm	500 triệu đồng/năm
Quyền lợi Thai sản	30 triệu đồng/năm	50 triệu đồng/năm	60 triệu đồng/năm
Quyền lợi Nha khoa	7,5 triệu đồng/năm	10 triệu đồng/năm	20 triệu đồng/năm
Quyền lợi Tai nạn cá nhân	Mệnh giá bảo hiểm từ 20 triệu đồng/năm đến 10 tỷ đồng/năm		

ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM

Trợ cấp tiền mặt khi nằm viện

Hỗ trợ tài chính trong trường hợp Người được Bảo hiểm được chuẩn đoán bệnh ung thư

Chi trả hầu hết các bệnh hiểm nghèo như ung thư, chạy thận, ghép tạng, v.v.

Hỗ trợ giường cho người nhà khi Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi

Chi trả cho quyền lợi trợ giúp khẩn cấp (chi phí đi lại bổ sung, chuyển thi hài về quê hương hoặc nước cư trú, tổn thương răng do tai nạn, v.v.)

Thủ tục bồi thường nhanh chóng, tiện lợi

Dễ dàng theo dõi thông qua ứng dụng di động
 30 phút Bảo lãnh ngoại trú
 3 Ngày Giải quyết bồi thường
 24/7 Tổng đài hỗ trợ 24/7, luôn sẵn sàng đồng hành khi bạn cần

Mạng lưới hỗ trợ y tế trải rộng toàn cầu

Mạng lưới bảo lãnh viện phí toàn quốc.
 Xem chi tiết mạng lưới [tại đây](#)

QUYỀN LỢI

☐ QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	1 tỷ	2 tỷ	5 tỷ
Phạm vi bảo hiểm	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)
Chi phí phòng và giường (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	4.000.000 /ngày	6.000.000 /ngày	7.000.000 /ngày
Phí khám bệnh hằng ngày của Bác sĩ và Phí Bác sĩ chuyên khoa (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	3.000.000 /lần khám	4.000.000 /lần khám	5.000.000 /lần khám
Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt, Phòng chăm sóc mạch vành, Phòng theo dõi liên tục (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều trị trước khi nhập viện (Trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều trị sau khi xuất viện (Trong vòng 90 ngày sau khi xuất viện)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều dưỡng tại nhà (Trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Dịch vụ xe cấp cứu (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Các chi phí khác trong điều trị nội trú: Các chi phí xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, phí Bác sĩ, máu, huyết tương, thuê xe lăn sử dụng trong bệnh viện, vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thiết bị y khoa được đặt/gắn bên trong cơ thể, v.v.	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Chi phí phẫu thuật nội trú: Chi phí bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí đánh giá tiền phẫu thuật và chăm sóc hậu phẫu thuật thông thường	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều trị ung thư: (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng) Là chi phí xạ trị, hóa trị, liệu pháp trúng đích (ngoại trừ phương pháp Phẫu thuật) theo chỉ định của Bác sĩ, không bao gồm thuốc được cấp mang về	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Ghép tạng: (Tối đa 1 tạng/cả đời) Các chi phí cho việc ghép thận, tim, phổi, gan, tủy xương cho người nhận là Người được Bảo hiểm (tối đa 50% cho người hiến tặng và số phần trăm còn lại cho người nhận, tùy theo sự lựa chọn của Người được Bảo hiểm). Công ty không thanh toán cho các chi phí để có được tạng; Quyền lợi này là tổng cộng tối đa cho mỗi tạng trong suốt cuộc đời và Công ty sẽ không thanh toán bất kỳ quyền lợi nào khác trong hợp đồng bảo hiểm liên quan đến việc ghép tạng của Người được Bảo hiểm	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Giường cho người nhà: (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) Là giường thêm dành cho bố/mẹ hay người giám hộ hợp pháp lưu lại qua đêm trong cùng một phòng với Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi	1.500.000 /ngày	2.000.000 /ngày	2.500.000 /ngày
Chạy thận nhân tạo định kỳ (Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)	150.000.000 /Năm hợp đồng	250.000.000 /Năm hợp đồng	350.000.000 /Năm hợp đồng
Phẫu thuật trong ngày (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng)	30.000.000 /Năm hợp đồng	50.000.000 /Năm hợp đồng	70.000.000 /Năm hợp đồng

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Chi phí cấp cứu (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)	6.000.000 /lần khám	8.000.000 /lần khám	10.000.000 /lần khám
Trợ cấp nằm viện (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) Lưu ý: Tổng số tiền chi trả cho quyền lợi Trợ cấp nằm viện, quyền lợi Giường cho người nhà, quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú không được vượt quá số tiền tối đa của quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú	1.000.000 /ngày	1.500.000 /ngày	1.700.000 /ngày
Hỗ trợ tài chính trong trường hợp Người được Bảo hiểm được chẩn đoán bệnh ung thư: Người được Bảo hiểm sẽ được chi trả quyền lợi này trong trường hợp được chẩn đoán bệnh ung thư giai đoạn cuối nhưng không bao gồm ung thư tuyến giáp. Số tiền chi trả sẽ được căn cứ vào số tiền bảo hiểm và số tháng còn lại của Năm hợp đồng. Quyền lợi này sẽ không được áp dụng trong năm tái tục tiếp theo nếu quyền lợi này đã được chi trả	5.000.000 /tháng	7.000.000 /tháng	10.000.000 /tháng
Dịch vụ trợ giúp khẩn cấp 24 giờ và Dịch vụ sơ tán y tế khẩn cấp	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm
Chi phí đi lại bổ sung: (Sau khi sơ tán khẩn cấp) Một vé máy bay hạng phổ thông để đưa Người được Bảo hiểm trở về nước cư trú	5.000.000 /Năm hợp đồng	5.000.000 /Năm hợp đồng	5.000.000 /Năm hợp đồng
Chuyển thi hài về quê hương hoặc nước cư trú	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Tổn thương răng do tai nạn: Điều trị khẩn cấp trong vòng tối đa 7 ngày kể từ khi tai nạn gây ra mất mát hoặc tổn thương cho răng lành mạnh tự nhiên	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

☐ **QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)**

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	100 triệu	200 triệu	500 triệu
Phạm vi bảo hiểm	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)
Điều trị ngoại trú (không phẫu thuật): Chi phí Bác sĩ, xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, vật tư y tế, và các chi phí có liên quan khác	7.000.000 /lần khám	15.000.000 /lần khám	40.000.000 /lần khám

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Điều trị ngoại trú (có phẫu thuật): Chi phí Bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, chi phí vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thuốc được kê đơn, và các chi phí có liên quan khác	10.000.000 /lần khám	20.000.000 /lần khám	50.000.000 /lần khám
Chi phí vật lý trị liệu, trị liệu thần kinh cột sống trong điều trị ngoại trú (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	500.000 /ngày	1.000.000 /ngày	2.000.000 /ngày
Khám sức khỏe miễn phí (Tối đa 1 lần khám/Năm hợp đồng) Chi phí được trả trong trường hợp không xảy ra sự kiện bảo hiểm được bồi thường nào trong Năm hợp đồng liền trước đó	2.000.000	2.000.000	5.000.000
Tiêm chủng Vắc-xin (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 60% chi phí	1.500.000	2.000.000	3.000.000
Gói tầm soát ung thư (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 60% chi phí	1.500.000	2.000.000	3.000.000

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

☐ **QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)**

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	30 triệu	50 triệu	60 triệu
Phạm vi bảo hiểm	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)
Quyền lợi thai sản: Chi phí khám thai; sinh thường hoặc sinh mổ do Sự cần thiết về mặt y tế; điều trị cho trẻ sơ sinh liên quan đến bệnh lý xuất hiện trong vòng 30 ngày sau khi sinh, với điều kiện người mẹ vẫn nằm viện	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Chăm sóc trẻ sơ sinh: (Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh hoặc trong Năm hợp đồng đã hết hạn) Khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, dụng cụ, vitamin	7.500.000	12.500.000	15.000.000
Chăm sóc mẹ: (Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh con hoặc năm hợp đồng đã hết hạn, tối đa 2 lần khám/Năm) Tái khám sau sinh	1.000.000 /lần khám	1.500.000 /lần khám	2.000.000 /lần khám

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Hỗ trợ tài chính: (Tối đa 5 ngày/lần sinh) Công ty hỗ trợ tài chính trong khoảng thời gian Người được Bảo hiểm sinh con tại Cơ sở y tế	500.000 /ngày	750.000 /ngày	1.000.000 /ngày
Quà tặng sinh nở: (Mỗi lần sinh) Áp dụng khi Người được Bảo hiểm sinh con tại các Bệnh viện công lập ở Việt Nam, nhưng không thuộc khoa dịch vụ	2.000.000	3.000.000	5.000.000

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

☐ **QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)**

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CC1	CC2	CC3
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	7,5 triệu	10 triệu	20 triệu
Phạm vi bảo hiểm	Việt Nam	Toàn cầu (*)	Toàn cầu (*)
Điều trị răng: Khám, chụp X quang răng bệnh lý, Điều trị viêm nướu, nha chu, Cắt chóp răng, lấy u vô răng (lấy vô răng sâu dưới nướu), Trám răng bệnh lý, Điều trị tủy răng, Nhổ răng bệnh lý (bao gồm cả phẫu thuật)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Vệ sinh răng (Tối đa 2 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 100%	1.000.000 /lần khám	2.000.000 /lần khám	3.000.000 /lần khám

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.



CARE CROSS

**Giao điểm an tâm
để mọi rủi ro đều có điểm tựa**

BẢNG PHÍ

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

Quyền lợi Nội trú	CC1	CC2	CC3
0 – 3	14.904.000	21.144.000	28.462.000
4 – 5	8.922.000	12.656.000	17.038.000
6 – 18	8.002.000	11.352.000	15.280.000
19 – 25	8.806.000	12.494.000	16.818.000
26 – 30	9.970.000	14.146.000	19.042.000
31 – 35	10.496.000	14.890.000	20.044.000
36 – 40	11.020.000	15.634.000	21.046.000
41 – 45	11.732.000	16.642.000	22.402.000
46 – 50	13.470.000	19.110.000	25.724.000
51 – 55	15.698.000	22.270.000	29.978.000
56 – 60	19.038.000	27.008.000	36.356.000
61 – 65	22.898.000	32.486.000	43.730.000

QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Quyền lợi Ngoại trú	CC1	CC2	CC3
0 – 3	17.500.000	20.470.000	25.228.000
4 – 5	10.476.000	12.254.000	15.102.000
6 – 18	9.396.000	10.990.000	13.546.000
19 – 25	10.340.000	12.096.000	14.908.000
26 – 30	11.708.000	13.696.000	16.878.000
31 – 35	12.324.000	14.416.000	17.766.000
36 – 40	12.940.000	15.138.000	18.656.000
41 – 45	13.774.000	16.114.000	19.858.000
46 – 50	15.816.000	18.502.000	22.802.000
51 – 55	18.432.000	21.562.000	26.572.000
56 – 60	22.354.000	26.150.000	32.226.000
61 – 65	26.886.000	31.452.000	38.762.000

QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Quyền lợi Thai sản	CC1	CC2	CC3
18 – 50	8.750.000	14.376.000	17.800.000

QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Quyền lợi Nha khoa	CC1	CC2	CC3
0 – 3	4.694.000	5.718.000	8.734.000
4 – 5	7.040.000	8.576.000	13.100.000
6 – 18	4.694.000	5.718.000	8.734.000
19 – 25	4.694.000	5.718.000	8.734.000
26 – 30	4.694.000	5.718.000	8.734.000
31 – 35	4.694.000	5.718.000	8.734.000
36 – 40	4.694.000	5.718.000	8.734.000
41 – 45	7.040.000	8.576.000	13.100.000
46 – 50	7.040.000	8.576.000	13.100.000
51 – 55	7.040.000	8.576.000	13.100.000
56 – 60	7.040.000	8.576.000	13.100.000

QUYỀN LỢI TAI NẠN CÁ NHÂN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí bảo hiểm theo phân loại nghề nghiệp x Số tiền bảo hiểm

Phân loại nghề nghiệp	Tỷ lệ Phí bảo hiểm
Loại 1: Các nhiệm vụ chuyên môn, hành chính của cơ quan có tính chất tĩnh tại và các công việc có tính chất tĩnh tại khác	0,0900%
Loại 2: Các nghề nghiệp không phải lao động chân tay nhưng ở trong tình trạng dễ bị rủi ro tai nạn do môi trường làm việc hay công việc đó đòi hỏi phải đi lại nhiều, những nghề nghiệp có liên quan đến nhiệm vụ giám sát chính	0,1035%
Loại 3: Những nghề nghiệp dễ xảy ra tai nạn hoặc những công việc lao động chân tay nhẹ, những công việc lao động chân tay không nguy hiểm	0,1190%
Loại 4: Những nghề nghiệp nguy hiểm, các ngành công nghiệp nặng và không được quy định từ loại 1 đến loại 3	Không bảo hiểm

Lưu ý: Trẻ em dưới 18 tuổi được áp dụng tỉ lệ phí bảo hiểm năm theo Loại 1.



CÁC CHIẾT KHẤU VÀ CÁC LỰA CHỌN KHÁC

(Chỉ áp dụng cho quyền lợi Nội trú và Ngoại trú)

Lưu ý: Tổng phí bảo hiểm áp dụng phải bằng tối thiểu 60% phí bảo hiểm sau khi thẩm định.

KHÔNG PHÁT SINH BỒI THƯỜNG

1 năm* trước đó

GIẢM

10%

2 năm* liền trước đó

GIẢM

15%

Từ 3 năm* liền trước đó

GIẢM

20%

(*) Năm hợp đồng

PHẠM VI BẢO HIỂM

Châu Á
ngoại trừ Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản

GIẢM

10%

Đông Nam Á
ngoại trừ Singapore

GIẢM

20%



CHIẾT KHẤU NHÓM

Nhóm 3-4 người

GIẢM

5%

Nhóm 5-10 người

GIẢM

10%

Nhóm 11-20 người

GIẢM

15%

Nhóm trên 20 người

GIẢM

20%

LỰA CHỌN ĐỒNG THANH TOÁN

Người được Bảo hiểm từ 4 tuổi trở lên trả 20% chi phí

GIẢM

25%

